TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1064/2022/QĐST-VHNGĐ	*Thành phố b, ngày 13 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58 và khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 6, 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1442/2022/TLST-VHNGĐ, ngày 19/5/2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Trần Văn H**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 421/50/8, khu phố 6, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Chị **Trần Thị Hà**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn Văn Thủy, xã Trường Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn H và chị Trần Thị Hà tự nguyện tìm hiểu nhau, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Văn Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/7/1995 nên căn cứ vào Điều 5, 6, 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay anh Hoàn và chị Hà xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung gồm cháu Trần Thị Nhật H, sinh ngày 06/8/1995; cháu Trần Huy Hoàng, sinh ngày 13/10/1997 và cháu Trần Quốc V, sinh ngày 13/10/1997. Các con chung hiện nay đã trưởng thành và có khả năng lao động nên anh Hoàn và chị Hà không có yêu cầu gì.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh Trần Văn H và chị Trần Thị Hà mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đ anh Hoàn và chị Hà đã nộp theo biên lai thu số 0002715 ngày

13/5/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Anh H, chị Hà đã nộp xong.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 03 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn H và chị Trần Thị Hà thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Trần Văn H và chị Trần Thị Hà có 03 người con chung gồm cháu Trần Thị Nhật Hạ, sinh ngày 06/8/1995; cháu Trần Huy Hoàng, sinh ngày 13/10/1997 và cháu Trần Quốc Việt, sinh ngày 13/10/1997. Các con chung hiện nay đã trưởng thành và có khả năng lao động nên anh Hoàn và chị Hà không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Trần Văn H và chị Trần Thị Hà mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đ anh Hoàn và chị Hà đã nộp theo biên lai thu số 0002715 ngày 13/5/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Anh Hoàn, chị Hà đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp.Biên Hòa;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Đào